

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-PT

Ngày: 08/3/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 01 năm 2021, ngày 25 tháng 2 năm 2021 và ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc D

Địa chỉ: Ấp NT 1A, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn TC - Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020.

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn MN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị MT

Địa chỉ: Ấp NT 1A, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn PD - Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 11/10/2019.

Địa chỉ: Ấp 12, xã VT, huyện VT1, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3. Do có kháng cáo của: Chị Trương Thị MT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2019, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn TC trình bày:

Ngày 02/8/2017 chị Trần Ngọc D có cho chị Trương Thị MT vay số tiền là 121.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ ngày 02/8/2017. Thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày 02/8/2017 đến ngày 02/9/2017. Chị D đã nhiều lần yêu cầu chị Thanh trả nợ nhưng đến nay chưa trả. Nay chị D khởi kiện yêu cầu chị Thanh phải trả số tiền nợ là 121.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất là 0,75%/tháng, tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 33.214.500 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi chị Thanh trả hết nợ cho chị D.

Quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ông Nguyễn PD trình bày:

Chị Trương Thị MT có nợ tiền gốc của chị Trần Ngọc D số tiền là 121.000.000 đồng có viết giấy mượn nợ và 25.000.000 đồng không có viết giấy nhận nợ. Chị Thanh đã trả cho chị D số tiền là 141.000.000 đồng nên chỉ còn nợ chị D số tiền là 5.000.000 đồng. Chị D đã có in tin nhắn điện thoại chốt số tiền trả nợ với chị Thanh. Nay chị Thanh chỉ đồng ý trả cho chị D số tiền nợ còn lại là 5.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc D buộc chị Trương Thị MT có nghĩa vụ trả cho chị Trần Ngọc D số tiền vốn là 121.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 33.214.500 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2020 với mức lãi suất là 0,75%/tháng cho đến khi chị Trương Thị MT trả hết nợ cho chị Trần Ngọc D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, chị Trương Thị MT có đơn kháng cáo với nội dung sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại số tiền gốc 25.000.000 đồng mà bị đơn đã chuyển trả cho bà N. Các vấn đề khác vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Trương Thị MT kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Hồ sơ thể hiện vào các ngày 28 tháng 3 năm 2019 và ngày 14 tháng 4 năm 2019, chị Trần Ngọc D có nhận các số tiền lần lượt là 20.000.000 đồng và 5.000.000 đồng, tổng cộng 25.000.000 đồng từ chị Trương Thị MT. Chị D cho rằng, số tiền này là chị Thanh chuyển trả cho bà Đặng Thị N (là mẹ ruột của chị D) do chị Thanh thiếu nợ bà N nên chị D nhận thay, bà N cũng thống nhất với phần trình bày của chị D. Tuy nhiên, chị Thanh không thừa nhận đây là số tiền chị Thanh chuyển trả cho bà N mà chuyển trả cho chị D. Cấp sơ thẩm không đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng với khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bà N thống nhất trả lại số tiền 25.000.000 đồng đã nhận của chị D, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất rút yêu cầu đối với số tiền này, chỉ yêu cầu xem xét trên số tiền gốc 96.000.000 đồng (121.000.000 đồng – 25.000.000 đồng), yêu cầu này được đại diện bị đơn đồng ý. Bà N thống nhất tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm tránh những sai sót tương tự.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu trung cầu giám định nội dung tin nhắn. Tuy nhiên, yêu cầu này của đại diện bị đơn chỉ phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và đến trước khi mở lại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không yêu cầu trung cầu giám định. Theo khoản

1 Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Quyền tự yêu cầu giám định được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm*”, đồng thời tại cấp phúc thẩm đã có văn bản trả lời của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) liên quan đến nội dung tin nhắn. Do đó, yêu cầu trưng cầu giám định của đại diện bị đơn không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn.

[2.1] Về số tiền gốc:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền thể hiện bị đơn có mượn 121.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 tháng kể từ ngày 02/8/2017 đến ngày 02/9/2017. Nguyên đơn cho rằng, giấy mượn tiền có chữ ký của chị Thanh. Chị Thanh thừa nhận các chữ ký trong giấy mượn tiền như nguyên đơn trình bày là của mình. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ngoài số tiền 121.000.000 đồng theo giấy mượn nợ nêu trên, bị đơn còn mượn của nguyên đơn 25.000.000 đồng. Tổng cộng là 146.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp bản in tin nhắn thể hiện sự việc nguyên đơn chốt nợ với bị đơn đã trả được 116.000.000 đồng, chỉ còn nợ 30.000.000 đồng, tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận tài liệu này, cho rằng tài liệu này có thể bị cắt ghép, đồng thời khẳng định bị đơn chỉ nợ 121.000.000 đồng tiền gốc chứ không phải 146.000.000 đồng được thể hiện trong tài liệu do bị đơn cung cấp, đồng thời chỉ yêu cầu trả 121.000.000 đồng tiền gốc. Theo khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”, “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại Tổng đài Viettel về tính pháp lý cũng như nội dung tin nhắn được gửi từ số điện thoại của chị D. Trên cơ sở yêu cầu của đương sự, cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ nhưng không thu thập được.

Tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử tiếp tục thu thập chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn. Theo Văn bản số 407/CNVTQĐ-TTKT ngày 19/02/2021 của Tập đoàn công nghiệp – Viễn thông Quân đội xác định “*trên hệ thống không còn lưu trữ nội dung tin nhắn từ số điện thoại 0972052667 đến số điện thoại 0366818164 theo thời gian yêu cầu vào thời điểm 08 giờ 02 phút ngày 05/3/2019*”.

Từ những phân tích nêu trên, bị đơn phản đối yêu cầu của nguyên đơn nhưng không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để

chứng minh cho sự phản đối đó. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền gốc cho nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

Theo Giấy mượn tiền thể hiện thời hạn mượn là 01 tháng kể từ ngày 02/8/2017 đến ngày 02/9/2017. Đây là hợp đồng vay tài sản, không có thỏa thuận lãi suất.

[2.2.1] Về thời hạn tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 02/8/2017 (là ngày vay nợ), quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 03/9/2017 (ngày vi phạm nghĩa vụ) đến khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm chấp nhận thời hạn bắt đầu tính lãi từ ngày 03/9/2017 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 21/8/2020 là 36 tháng 18 ngày chưa đúng quy định. Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại thời gian tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 35 tháng 18 ngày.

[2.2.2] Về mức lãi suất

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 0,75%/tháng, tương ứng 9%/năm. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định về lãi suất theo Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất này là có cơ sở, có lợi cho bị đơn. Do đó, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, số tiền lãi được tính như sau: 96.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 35 tháng 18 ngày = 24.960.000 đồng.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 120.960.000 đồng, trong đó có 96.000.000 đồng tiền gốc và 24.960.000 đồng tiền lãi.

[2.4] Về quyết định lãi, lãi suất trong bản án của Tòa án.

Các đương sự thống nhất, giao dịch giữa các đương sự là hợp đồng vay tài sản, không có thỏa thuận lãi suất. Trong phần quyết định của bản án, cấp sơ thẩm tuyên lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp với Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử có sự điều chỉnh lại cho phù hợp. Ngoài ra, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 0,75%/tháng đối với số tiền chậm trả là phù hợp với Điều 357, Điều 468, Bộ luật Dân sự năm 2015 có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn được nhận lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Trương Thị MT.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn chị Trương Thị MT phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn chị Trần Ngọc D số tiền 120.960.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó có 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng) tiền gốc và 24.960.000 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 0,75%/tháng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị MT phải chịu là 6.048.000 đồng (Sáu triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Chị Trần Ngọc D được nhận lại 3.523.000 đồng (Ba triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021788 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trương Thị MT được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005510 ngày 26/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/3/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. CTA;
- Chi cục THADS H. CTA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn